

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-PT  
Ngày: 10-01-2025  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài  
sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

2. Ông Nguyễn Anh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 277/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

**Người đại diện theo uỷ quyền:** Ông Lê Vinh Thái B, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị C1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:* Ngày 24/9/2022 ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1 vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền để xây nhà, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, hợp đồng vay không kỳ hạn; bà Nguyễn Thị C1 đã ký “Giấy thỏa thuận mượn tiền” ngày 24/9/2022 để xác nhận nợ với ông; Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 đã trả cho ông 12 tháng tiền lãi với tổng số tiền 18.000.000 đồng, từ tháng 10/2023 đến nay không trả tiền lãi nữa; Ông đã nhiều lần đến nhà riêng của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1 đòi nợ nhưng họ hứa hẹn và không trả nợ, vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 10 tháng) là 10.000.000 đồng với mức lãi suất 01%/tháng. Ông Lê Văn T cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc “Giấy thỏa thuận mượn tiền” ngày 24/9/2022 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

- *Tại các Bản tự khai đề ngày 17/6/2024 gửi theo đường bưu điện cho Tòa án ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1 trình bày:* Ông bà xác định giữa ông bà với ông Lê Văn T là hàng xóm nên thỉnh thoảng ông bà có vay tiền của ông Lê Văn T để sử dụng cho mục đích sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình, tuy nhiên số tiền vay mỗi lần chỉ khoảng 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, không vay số tiền 100.000.000 đồng như ông Lê Văn T trình bày. Bà Nguyễn Thị C1 thừa nhận, vào tháng 11/2023 có vay của ông Lê Văn T số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên chưa trả tiền cho ông Lê Văn T và xác định từng đề nghị ông Lê Văn T cho vợ chồng bà vay số tiền 100.000.000 đồng để đầu tư vườn thanh long và sửa chữa nhà ở của gia đình thì được ông Lê Văn T đồng ý và theo yêu cầu của ông Lê Văn T thì bà đã ký tên vào giấy mượn tiền nhưng thực tế bà không được nhận tiền vì ông Lê Văn T báo không gom được tiền cho bà vay, sau đó bà đã yêu cầu ông Lê Văn T hủy bỏ giấy tờ này và đã được ông T xác nhận đã hủy bỏ.

*Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 là ông Lê Vinh Thái B trình bày:* Ông xác định ông C và bà C1 từng có một đến hai lần vay tiền của ông Lê Văn T nhưng chỉ vay vài chục triệu đồng, đã trả nợ một phần và đến nay còn nợ 10.000.000 đồng, chưa từng vay số tiền 100.000.000 đồng như ông Lê Văn T trình bày; Việc ông Nguyễn Văn C thừa nhận có vay và còn nợ của ông Lê Văn T 100.000.000 đồng tại “Đơn tố cáo” ngày 21/02/2024 gửi đến Cơ quan công an là do khi viết đơn ông Nguyễn Văn C đang nóng giận nên trình bày không chính xác; phía bị đơn yêu cầu ông Lê Văn T phải chứng minh có việc giao nhận khoản tiền vay 100.000.000 đồng cho bị đơn, chứng minh chữ ký “Nguyễn Thị C1” ở mục “bên mượn” tại “Giấy thỏa thuận mượn tiền” ngày 24/9/2022 có phải do bà Nguyễn Thị C1 ký và viết ra hay không, yêu cầu chứng minh có việc các bên thỏa thuận

mức lãi suất của khoản tiền vay là 1,5%/tháng và chứng minh việc đã từng yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhiều lần trước khi khởi kiện tại Tòa án; khoản vay ông Lê Văn T tranh chấp trong vụ án này và việc thừa nhận nợ của ông C, bà C1 tại Cơ quan công an không liên quan nhau. Ông cho rằng, việc ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam (được sửa chữa, bổ sung bởi Quyết định số 08/2024/QĐ-SCBSBA ngày 20/9/2024) đã quyết định:*

**Căn cứ:**

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền 108.333.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng nợ gốc và 8.333.000 đồng tiền lãi) cho ông Lê Văn T.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 1.667.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2024 bà Nguyễn Thị C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 06-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, tại phần tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng, nhưng đây là nợ không kỳ hạn, không lãi suất vì vậy nguyên đơn khởi kiện đòi nợ chưa báo cho bị đơn thời gian hợp lý là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Nguyên đơn đã nhận 18.000.000 đồng thì phải trừ vào tiền gốc, yêu cầu xem xét lại tiền lãi bị đơn phải trả. Đề nghị đình chỉ vụ án/bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 06-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông C kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên HĐXX không xem xét.

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị C1 là không có căn cứ. Theo các bản khai của bà Nguyễn Thị C1 tại hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện bà C1 thừa nhận đã ký vào “Giấy thỏa thuận mượn tiền” ngày 24/9/2022. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn đều không yêu cầu giám định chữ ký. Tại thông báo kết luận của Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận xác định rõ có việc ký vay mượn tiền. Tại Cơ quan điều tra bà C1 khai nhận ký giấy “Giấy thỏa thuận mượn tiền”. Bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện vì chưa thông báo hợp lý thời gian đòi nợ là không có cơ sở. Vì trước khi khởi kiện, giữa các đương sự đã phát sinh mâu thuẫn về việc đòi nợ của nguyên đơn và được Cơ

quan điều tra - Công an huyện H giải quyết. Sau khi Công an huyện H giải quyết xong thì nguyên đơn tiến hành khởi kiện bị đơn. Như vậy nguyên đơn có đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C1 nhận thấy: Theo “Giấy thỏa thuận mượn tiền” ngày 24/9/2022 nguyên đơn ông Lê Văn T cho bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 vay 100.000.000 đồng. Tại đơn tố cáo ngày 21/02/2024 và quá trình làm việc tại Công an huyện H ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 có lời khai thừa nhận cuối năm 2022 có vay 100.000.000 đồng của ông Lê Văn T để xây nhà và chưa trả khoản tiền vay này cho ông Lê Văn T. Ông C, bà C1 là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và nhận thức thì phải chịu trách nhiệm từ các giao dịch dân sự do mình thực hiện. Ông T đã cung cấp các chứng cứ đầy đủ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn, bị đơn không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho ý kiến phản đối của mình. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, việc cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với thỏa thuận giữa các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX, kháng cáo của đương sự không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

**2. Căn cứ:**

- Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**3. Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1:

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền 108.333.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng nợ gốc và 8.333.000 đồng tiền lãi) cho ông Lê Văn T.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 1.667.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 5.416.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.725.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014517 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 2.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm còn lại.

**5. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thị C1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0015000 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2025)/.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện HTN;
- Chi Cục THADS huyện HTN
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TANDTC
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Phương**